

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
THANH TRA TỈNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 169/KL-TTR

Quảng Ngãi, ngày 15 tháng 7 năm 2026



KẾT LUẬN THANH TRA

Về việc thanh tra trách nhiệm việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Mô Rai tại Ủy ban nhân dân xã Mô Rai

Thực hiện Quyết định số 96/QĐ-TTR ngày 09/3/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh Quảng Ngãi về việc thanh tra trách nhiệm việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Mô Rai tại Ủy ban nhân dân xã Mô Rai; từ ngày 12/3/2026 đến ngày 15/5/2026, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra trực tiếp tại Ủy ban nhân dân xã Mô Rai.

Xét Báo cáo kết quả thanh tra ngày 03/6/2026 của Trưởng Đoàn thanh tra; Báo cáo số 39/BC-TTĐ ngày 06/7/2026 của Tổ thẩm định (*thành lập theo Quyết định số 336/QĐ-TTR ngày 30/6/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh*), Chánh Thanh tra tỉnh kết luận như sau:

I. KHÁI QUÁT CHUNG

Xã Mô Rai là xã biên giới nằm ở phía tây tỉnh Quảng Ngãi, là địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về an ninh, quốc phòng; xã có diện tích tự nhiên 58.391,79 ha; phía nam giáp xã Ia Toi, phía bắc giáp xã Rờ Koi, phía đông giáp xã Sa Thầy và xã Ya Ly, phía tây giáp Vương quốc Campuchia, có đường biên giới quốc gia dài 21 km, gồm 05 mốc chính và 17 mốc phụ, tiếp giáp với xã Tà Veng Lữ, huyện Tà Veng, tỉnh Rattanakiri, Vương quốc Campuchia. Trước ngày 01/7/2025, Ủy ban nhân dân xã Mô Rai¹ được thành lập trực thuộc huyện Sa Thầy, tỉnh Gia Lai – Kon Tum (cũ); đến ngày 01/7/2025, theo mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, Ủy ban nhân dân xã Mô Rai² được thành lập trực thuộc tỉnh Quảng Ngãi. Hiện nay, xã có 03 thôn (*Thôn Ia Tri; Thôn Ia Xoăn; Thôn Ia Ho*), 07 làng (*Làng Rẽ; Làng Grập; Làng Tang; Làng Kênh; Làng KĐin; Làng Xộp; Làng Le*); dân số là 1.650 hộ/5.832 khẩu; trong đó, dân tộc thiểu số 1.236 hộ/4.170 khẩu (*chiếm tỷ lệ 71,5%*), có 01 dân tộc thiểu số rất ít người dân tộc Rơ Mâm với chỉ 129 hộ/599 khẩu; số hộ nghèo 64 hộ (*chiếm tỷ lệ 3,88%*), hộ cận nghèo 64 hộ (*chiếm tỷ lệ 3,88%*). Hệ thống giáo dục có 05 đơn vị trường học với tổng số 108 viên chức; trong đó, 01 trường Mầm non công lập, 01 trường Mầm non tư thục thuộc Đoàn kinh tế quốc phòng 78, 01 trường Tiểu học, 02 trường THCS. Hệ thống y tế, có 01

¹ Quyết định số 254-CP ngày 10/10/1978 của Hội đồng Chính phủ về chia huyện Đăk Tô thuộc tỉnh Gia Lai – Kon Tum thành hai huyện.

² Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV.

trạm y tế xã, 01 bệnh xá thuộc Đoàn kinh tế quốc phòng 78. Hệ thống chính trị, có 16 chi bộ trực thuộc đảng bộ xã với 227 đảng viên; trong đó, 04 chi bộ cơ quan, 04 chi bộ trường học, 01 chi bộ y tế, 07 chi bộ thôn. Cán bộ, công chức xã hiện có 52 người; trong đó, khối Đảng, đoàn thể là 27 người; chính quyền là 25 người. Lực lượng công an xã 26 người, Ban chỉ huy quân sự xã 08 người. Người hoạt động không chuyên trách cấp xã có 09 người; trong đó, bố trí vào các cơ quan tham mưu, giúp việc Đảng ủy, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã 06 người và các phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã 03 người. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn/làng 27 người.

Những năm qua, cùng với sự quan tâm đầu tư của Đảng và Nhà nước, Đảng ủy, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Mô Rai đã triển khai thực hiện đạt được được một số kết quả quan trọng. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước được hoàn thiện, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân ngày càng được nâng cao; kinh tế địa phương tiếp tục phát triển theo hướng khai thác hiệu quả tiềm năng đất đai, lâm nghiệp và nông nghiệp, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng, an ninh và tính hiệu quả trong công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí (PCTNLP) trên địa bàn xã.

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Công tác quản lý nhà nước về phòng, chống tham nhũng, lãng phí

Trong thời kỳ thanh tra, Ủy ban nhân dân xã đã ban hành các kế hoạch để tổ chức thực hiện công tác PCTNLP, tiêu cực năm 2024, 2025 đến năm 2030³ và các văn bản có liên quan (*Chi tiết có Phụ lục 01 kèm theo*); thường xuyên tổ chức tuyên truyền, phổ biến và quán triệt, triển khai công tác PCTNLP, tiêu cực bằng nhiều hình thức như thông qua các hội nghị, cuộc họp giao ban, các buổi sinh hoạt chi bộ định kỳ, đột xuất và đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân xã,...; đồng thời, lồng ghép vào các văn bản chỉ đạo khác có liên quan đến công tác PCTNLP, tiêu cực⁴; thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất⁵.

³ Năm 2024: Kế hoạch số: 05/KH-UBND ngày 25/01/2024 về triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia PCTN, tiêu cực đến năm 2030; Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 29/01/2024 về triển khai công tác PCTN, tiêu cực và thực hiện Chỉ thị 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn xã trong năm 2024.

Năm 2025: Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 26/3/2025 về công tác PCTN trên địa bàn xã Mô Rai năm 2025; Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 29/8/2025 về triển khai công tác PCTN, tiêu cực trên địa bàn xã năm 2025.

⁴ Năm 2024: Kế hoạch số 14/KH-UBND ngày 22/02/2024 về tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật Quý I/2024; Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 06/5/2024 về tuyên truyền, phổ biến pháp luật Quý II năm 2024; Kế hoạch số 66/KH-UBND ngày 28/7/2024 về tuyên truyền, phổ biến pháp luật Quý III năm 2024, Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 21/10/2024 của Ủy ban nhân dân xã Mô Rai về tuyên truyền, phổ biến pháp luật Quý IV năm 2024.

Năm 2025: Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 22/2/2025 về tuyên truyền, phổ biến pháp luật Quý I năm 2025; Kế hoạch số 42/KH-UBND ngày 18/4/2025 về tuyên truyền, phổ biến pháp luật Quý II năm 2025.

⁵ Năm 2024: Báo cáo số 38/BC-UBND ngày 15/6/2024 về công tác PCTN, tiêu cực 6 tháng đầu năm 2024; Báo cáo số 225/BC-UBND ngày 20/12/2024 về công tác PCTN năm 2024 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2025 trên địa bàn xã Mô Rai.

Năm 2025: Báo cáo số 295/BC-UBND ngày 15/12/2025 về kết quả công tác PCTN năm 2025 và phương hướng nhiệm vụ năm 2026 trên địa bàn xã Mô Rai.

Qua thanh tra, thấy: Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện tuyên truyền, phổ biến, quán triệt, triển khai và tổ chức thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác PCTNLP, tiêu cực năm 2024, 2025; báo cáo định kỳ theo quy định tại Thông tư số 01/2024/TT-TTCTP ngày 20/01/2024 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN, tiêu cực; Thông tư 06/2025/TT-TTCTP ngày 29/9/2025 của Tổng Thanh tra Chính phủ quy định chế độ thông tin, báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và PCTN, tiêu cực.

Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân xã chưa triển khai thực hiện một số nội dung chỉ đạo⁶ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; chưa thực hiện đầy đủ báo cáo định kỳ⁷ theo quy định Thông tư số 01/2024/TT-TTCTP.

2. Việc thực hiện các quy định phòng ngừa tham nhũng

2.1. Việc thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động

Trong thời kỳ thanh tra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đã lập danh mục và thực hiện công khai, minh bạch các nội dung về tài chính, tài sản, quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế tổ chức và hoạt động; phương hướng nhiệm vụ năm học; công tác quy hoạch, đào tạo, tuyển dụng, khen thưởng, kỷ luật, chuyển đổi vị trí công tác (*Chi tiết tại Phụ lục 02 kèm theo*). Ngoài ra, việc công khai còn thực hiện thông qua các cuộc họp của cơ quan, thông báo bằng văn bản đến các cơ quan và cá nhân có liên quan,...

Qua thanh tra, thấy: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện việc công khai, minh bạch về PCTN theo quy định tại Điều 10, 11 của Luật PCTN năm 2018. Việc công khai được thực hiện chủ yếu bằng hình thức đăng tải lên hệ thống Quản lý văn bản và điều hành Ioffice; Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân xã tại trang web <https://morai.quangngai.gov.vn> và gửi đến các tổ chức, cá nhân có liên quan theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật PCTN năm 2018. Tuy nhiên, Ủy ban nhân dân xã chưa kịp thời thực hiện công khai, minh bạch một số nội dung theo quy định của Luật PCTN năm 2018 (*Chi tiết tại Phụ lục 03 kèm theo*).

Một số báo cáo đột xuất khác: Công văn số 611/UBND-TH ngày 10/12/2025 về việc cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ công tác báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh về PCTNLPTC; Báo cáo số 116/BC-UBND ngày 15/9/2025 về Báo cáo cung cấp thông tin, tài liệu báo cáo kết quả kiểm tra về công tác PCTNLPTC.

⁶ (1) Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 28/7/2025 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 193/NQ-CP ngày 27/6/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Quy định số 189-QĐ/TW ngày 08/10/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, PCTN, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công; (2) Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 06/8/2025 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 224/2025/QH15 ngày 27/6/2025 về chất vấn tại Kỳ họp thứ 9 và Nghị quyết số 227/2025/QH15 ngày 27/6/2025 về Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XV; (3) Công văn số 2742/UBND-NC ngày 22/9/2025 về triển khai thực hiện chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư về công tác nội chính, PCTN, lãng phí, tiêu cực và cải cách tư pháp; (4) Công văn số 192/UBND-NC ngày 30/10/2025 về việc thực hiện kết luận Phiên họp thứ 27 của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, lãng phí, tiêu cực (M).

⁷ Báo cáo quý I, 9 tháng năm 2024; Báo cáo quý I, 6 tháng, 9 tháng năm 2025 về công tác PCTNLPTC.

2.2. Việc thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn

Trong thời kỳ thanh tra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đã ban hành và triển khai quy định về giao tiếp và ứng xử của cán bộ, công chức trên địa bàn xã⁸; chỉ đạo việc chấp hành nghiêm giờ giấc làm việc, kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện quy chế văn hóa công sở, đạo đức công vụ và trong quan hệ xã hội của cán bộ, công chức, viên chức⁹; chỉ đạo cán bộ, công chức thực hiện các biện pháp kiểm soát xung đột lợi ích trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ¹⁰.

Qua thanh tra, thấy: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đã ban hành và triển khai thực hiện nội dung về Quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Luật PCTN năm 2018 từ trước ngày 01/7/2025 và thực hiện kiểm soát xung đột lợi ích theo Điều 23 Luật PCTN năm 2018. Tuy nhiên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chưa kịp thời rà soát, xây dựng, ban hành Bộ Quy tắc ứng xử theo khoản 1 Điều 20 Luật PCTN năm 2018 để triển khai thực hiện, phù hợp với mô hình chính quyền địa phương 02 cấp từ sau ngày 01/7/2025.

2.3. Việc chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn

Từ ngày 01/01/2024 đến 30/6/2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện chuyển đổi 04 viên chức thuộc các đơn vị sự nghiệp theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy, tỉnh Kon Tum (cũ)¹¹ (Chi tiết tại Phụ lục 04 kèm theo). Từ ngày 01/7/2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đã xây dựng và ban hành Kế hoạch¹² chuyển đổi vị trí công tác 6 tháng cuối năm 2025 theo thẩm quyền. Trong 6 tháng cuối năm 2025, không có trường hợp chuyển đổi vị trí công tác theo quy định.

Qua thanh tra, thấy: Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/6/2025, việc chuyển đổi vị trí công tác cán bộ, công chức của Ủy ban nhân dân xã theo Kế hoạch¹³ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân huyện Sa Thầy (cũ), tỉnh Kon Tum (cũ) theo quy định. Do vậy, từ ngày 01/7/2025 đến 31/12/2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã không có trường hợp đủ điều kiện chuyển đổi vị trí công tác theo danh sách được phê duyệt theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Luật PCTN năm 2018 và Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCTN năm 2018.

⁸ Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 01/02/2023 ban hành Quy chế văn hoá công sở.

⁹ Công văn số 71/CV-UBND ngày 28/5/2024.

¹⁰ Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 02/02/2024 về thực hiện công tác kiểm soát xung đột lợi ích trên địa bàn xã năm 2024; Kế hoạch số 33/KH-UBND ngày 14/3/2025 về kiểm soát xung đột lợi ích năm 2025 theo quy định.

¹¹ Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 29/3/2024 của UBND huyện Sa Thầy về định kỳ chuyển đổi vị trí công tác năm 2024.

¹² Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 01/8/2025 của UBND xã Mô Rai về định kỳ chuyển đổi vị trí công tác năm 2025

¹³ Kế hoạch số 108/KH-UBND ngày 29/3/2024 của UBND huyện Sa Thầy về định kỳ chuyển đổi vị trí công tác năm 2024.

2.4. Việc thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, thanh toán không dùng tiền mặt

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đã triển khai sử dụng hệ thống Quản lý văn bản và điều hành Ioffice, sử dụng ứng dụng chữ ký số trong việc trao đổi văn bản điện tử; thực hiện thanh toán lương, thưởng, thu nhập tăng thêm cho công chức, viên chức, người lao động thông qua tài khoản ngân hàng; Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân xã truyền tải những thông tin hoạt động, chỉ đạo điều hành đến người dân và các cơ quan, đơn vị được biết, thực hiện; triển khai điểm cầu họp trực tuyến. Trong thời kỳ thanh tra, đã ban hành các văn bản về thực hiện cải cách hành chính (CCHC)¹⁴; thành lập và ban hành quy chế hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công và Trung tâm cung ứng dịch vụ công¹⁵; văn bản¹⁶ triển khai việc áp dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, điều hành; ban hành văn bản chỉ đạo thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn xã¹⁷.

Qua thanh tra, thấy: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đã tổ chức thực hiện các nội dung về cải cách hành chính, ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý, thanh toán không dùng tiền mặt theo quy định tại Điều 27, 28, 29 Luật PCTN năm 2018.

2.5. Việc xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

a) Việc xây dựng và tham mưu cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Trong kỳ thanh tra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đã chỉ đạo việc xây dựng, ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ¹⁸, Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công¹⁹ năm 2024, 2025 để tổ chức thực hiện bảo đảm đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả.

Qua thanh tra, thấy: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đã ban hành các quy chế, quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ trong quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách, tài sản công năm 2024, 2025 theo quy định tại Điều 18 Luật PCTN năm 2018. Tuy nhiên, sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp từ ngày

¹⁴ Năm 2024: Quy chế số: 01/QC-UBND ngày 23/02/2024 về Chính sách chất lượng năm 2024.

Năm 2025: Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 02/01/2025 về thực hiện CCHC trên địa bàn xã Mô Rai năm 2025; Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 24/7/2025 về CCHC năm 2025 trên địa bàn xã Mô Rai.

¹⁵ Quyết định số 08/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 về thành lập Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân xã Mô Rai; Quyết định số 64/QĐ-UBND ngày 29/7/2025 về ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công xã Mô Rai; Quyết định số 237/QĐ-UBND ngày 07/11/2025 về thành lập Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Mô Rai; Quyết định số 37/QĐ-UBND ngày 08/7/2025 về ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm phục vụ hành chính công xã Mô Rai; Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 25/8/2025 về rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2025 trên địa bàn xã Mô Rai.

¹⁶ Quyết định số 43/QĐ-UBND ngày 15/7/2025 về kiện toàn Ban chỉ đạo và Kế hoạch về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 xã Mô Rai.

¹⁷ Công văn số 71/CV-UBND ngày 28/5/2024 về việc chấp hành nghiêm giờ giấc làm việc, kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện quy chế văn hóa công sở, đạo đức công sở của đội ngũ cán bộ, công chức trên địa bàn xã;...

¹⁸ Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 23/01/2024; Quyết định số 06/QĐ-UBND ngày 06/01/2025.

¹⁹ Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 08/01/2024; Quyết định số 05/QĐ-UBND ngày 06/01/2025.

01/7/2025, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chưa kịp thời rà soát, ban hành mới Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công để đảm bảo phù hợp với tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân xã mới²⁰ và quy định²¹ có liên quan trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi mới.

b) Tình hình thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

b1. Về thực hiện quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách và tài sản công

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đã xây dựng nội dung phân bổ²² dự toán thu, chi ngân sách xã; điều chỉnh²³ phân bổ dự toán, tổ chức thực hiện quyết toán²⁴ ngân sách năm 2024, 2025.

Năm 2024:

+ Tổng thu ngân sách nhà nước đạt tỷ lệ 48,54% so với dự toán. Trong đó, (1) Chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước từ thuế sử dụng đất (*dự toán giao 55.000.000.000 đồng, thực hiện 8.641.927.868 đồng, đạt tỷ lệ 15,71%*); chỉ tiêu thu từ tiền cho thuê đất, thuê mặt nước (*dự toán giao 3.000.000.000 đồng, không có nguồn thu*); (2) Chỉ tiêu thu ngân sách xã từ thuế sử dụng đất (*dự toán giao 5.000.000.000 đồng, thực hiện 864.463.057 đồng, đạt tỷ lệ 17,29%*); chỉ tiêu nguồn thu khác (*dự toán giao 35.000.000 đồng, thực hiện 1.757.000 đồng, đạt tỷ lệ 5,02%*).

+ Tổng chi ngân sách nhà nước đạt tỷ lệ 70,94% so với dự toán; trong đó, dự toán chi đầu năm là 20.796.000.000 đồng, điều chỉnh, bổ sung là 1.776.222.756 đồng; thực hiện nhiệm vụ chi và phê duyệt quyết toán là 16.011.762.274 đồng, chuyển nguồn sang kỳ sau là 392.647.237 đồng.

Năm 2025:

+ Tổng thu ngân sách nhà nước đạt tỷ lệ 71,02% so với dự toán. Trong đó, chỉ tiêu thu ngân sách nhà nước từ cho thuê mặt đất, mặt nước (*dự toán giao 3.935.000.000 đồng, không có nguồn thu do xây dựng không phù hợp, tương tự năm 2024*).

²⁰ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

²¹ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2025.

²² Quyết định số 03/QĐ-UBND ngày 10/01/2024 về việc phân bổ dự toán thu chi ngân sách xã năm 2024; Quyết định số 02/QĐ-UBND ngày 06/01/2025 về phân bổ dự toán thu chi ngân sách xã năm 2025; Quyết định số 67/QĐ-UBND ngày 01/8/2025 về việc giao dự toán thu, chi ngân sách xã năm 2025 (sau khi thực hiện mô hình chính quyền 02 cấp).

²³ Quyết định số 179/QĐ-UBND ngày 24/10/2025 điều chỉnh dự toán thu chi ngân sách xã năm 2025 (lần 1), Quyết định số 256/QĐ-UBND ngày 14/11/2025 điều chỉnh dự toán thu chi ngân sách xã năm 2025 (lần 2).

²⁴ Quyết định số 60/QĐ-UBND ngày 25/4/2025 về việc công khai quyết toán ngân sách năm 2024; Quyết định số 252/QĐ-UBND ngày 10/4/2026 về việc công khai quyết toán ngân sách năm 2025.

+ Tổng chi ngân sách nhà nước đạt tỷ lệ 98,34% so với dự toán; trong đó, dự toán chi đầu năm là 44.289.000.000 đồng, điều chỉnh, bổ sung là 42.638.948.390 đồng; thực hiện nhiệm vụ chi và phê duyệt quyết toán là 85.491.748.968 đồng chuyển nguồn sang kỳ sau là 5.543.285.006 đồng.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đã xây dựng Kế hoạch²⁵ tổ chức kiểm kê, đánh giá số lượng, giá trị của tài sản công do Ủy ban nhân dân xã quản lý, để làm căn cứ xác định nhu cầu mua sắm, sửa chữa, nâng cấp, bảo dưỡng trong năm tiếp theo; đã thực hiện đầy đủ, kịp thời chế độ báo cáo²⁶ tình hình quản lý, sử dụng tài sản công cho cấp có thẩm quyền. Chỉ đạo thực hiện kiểm kê và báo cáo²⁷ kết quả Tổng kiểm kê tài sản công vào ngày 01/01/2026 sau khi tổ chức thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

Qua thanh tra, thấy:

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện công tác quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách, tài sản công bảo đảm đúng quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ và trình tự, thủ tục của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015²⁸ và Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước năm 2015, Nghị định số 149/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung sửa đổi của Luật Ngân sách nhà nước năm 2024, Thông tư số 76/2023/TT-BTC ngày 21/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2024; Thông tư số 88/2024/TT-BTC ngày 24/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà nước năm 2025; Luật Quản lý sử dụng tài sản công năm 2017, 2025; Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017; Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2025. Tuy nhiên, việc trích lập dự phòng²⁹ trên tổng chi ngân sách chưa đảm bảo mức bố trí theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

b2. Thực hiện mua sắm, sử dụng tài sản, hàng hóa, dịch vụ có giá trị gói thầu từ 20 triệu trở lên trong giai đoạn 2024 – 2025 từ nguồn kinh phí tự chủ của Ủy ban nhân dân xã

²⁵ Kế hoạch số 235/KH-UBND ngày 03/12/2024; Kế hoạch số 87/KH-UBND ngày 12/12/2025

²⁶ Báo cáo số 35/BC-UBND ngày 03/02/2025; Báo cáo số 99/BC-UBND ngày 28/4/2025; Báo cáo số 100/BC-UBND ngày 28/4/2025; Báo cáo số 60/BC-UBND ngày 11/8/2025; Báo cáo số 83/BC-UBND ngày 22/8/2025; Báo cáo số 100/BC-UBND ngày 04/9/2025.

²⁷ Báo cáo số 140/BC-UBND ngày 17/4/2026.

²⁸ Được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Ngân sách nhà nước năm 2020, 2024.

²⁹ Năm 2024 UBND xã Mô Rai trích lập dự phòng 223 triệu đồng (tương đương 1,26% tổng chi ngân sách xã); năm 2025 UBND xã Mô Rai trích lập dự phòng 746 triệu đồng (tương đương 1,9987% tổng chi ngân sách xã).

Trong thời kỳ thanh tra, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện mua sắm 09 gói thầu tài sản, hàng hóa, dịch vụ có giá trị từ 20 triệu đồng trở lên; với tổng giá trị của 09 gói thầu là 313.643.200 đồng. Trong đó, năm 2024 có 06 gói thầu với tổng trị giá là 194.89.400 đồng; năm 2025 có 03 gói thầu với tổng giá trị là 119.353.800 đồng (*Chi tiết tại Phụ lục 05 kèm theo*).

Qua thanh tra, thấy: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện mua sắm 09 gói thầu theo đúng quy định của Luật Đấu thầu năm 2024, 2025, Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu. Tuy nhiên, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chưa kịp thời xây dựng định mức, tiêu chuẩn mua sắm tài sản, trang thiết bị theo quy định tại Điều 12, khoản 3 Điều 13 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013.

b3. Việc thực hiện và tình hình phân bổ, giao kế hoạch vốn, giải ngân vốn các chương trình mục tiêu quốc gia (*Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững*)

Qua rà soát hồ sơ, tài liệu do Ủy ban nhân dân xã cung cấp, Đoàn thanh tra tổng hợp được 03 Chương trình mục tiêu quốc gia³⁰ với tổng kinh phí năm 2024 là 3.556.996.400 đồng³¹, đã giải ngân 3.457.446.000 đồng; năm 2025 là 3.504.646.400 đồng³² đã giải ngân 2.749.087.080 đồng. Cụ thể:

Năm 2024: (1) Chương trình giảm nghèo gồm 05 dự án³³ với tổng kinh phí 1.552.451.000 đồng³⁴, đã giải ngân 1.517.994.600 đồng; (2) Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gồm 06 dự án³⁵ với tổng kinh phí 1.840.480.000 đồng³⁶, đã giải ngân 1.807.312.000 đồng; (3)

³⁰ Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.

³¹ Vốn được cấp là 3.090.000.000 đồng; vốn đối ứng của địa phương là 358.000.000 đồng.

³² Vốn được cấp là 2.987.400.000 đồng; vốn đối ứng của địa phương là 200.000.000 đồng; vốn bổ sung là 248.010.000 đồng.

³³ (1) Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng và nhân rộng mô hình, dự án giảm nghèo; (2) Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp; (3) Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững; (4) Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin; (5) Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình.

³⁴ Vốn được cấp 1.375.000.000 đồng; vốn đối ứng 143.000.000 đồng.

³⁵ (1) Dự án 1: giảm thiểu tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt; (2) Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị; (3) Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống...Duy tu bảo dưỡng; (4) Dự án 8:Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; (5) Dự án 9, tiểu dự án 2:Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; (6) Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình.

³⁶ Vốn được cấp 1.640.000.000 đồng; vốn đối ứng địa phương 129.000.000 đồng.

Chương trình xây dựng nông thôn mới với tổng kinh phí 164.065.400 đồng³⁷, đã giải ngân 162.453.400 đồng.

Năm 2025: (1) Chương trình giảm nghèo gồm 05 dự án³⁸ với tổng kinh phí 1.327.756.400 đồng³⁹, đã giải ngân 1.162.956.080 đồng; (2) Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi gồm 06 dự án⁴⁰ với tổng kinh phí 1.841.568.000 đồng⁴¹, đã giải ngân 1.322.216.000 đồng; (3) Chương trình xây dựng nông thôn mới với tổng kinh phí 335.322.000 đồng⁴², đã giải ngân 263.915.000 đồng.

Đoàn thanh tra chọn mẫu 08 gói thầu Mua bò cái sinh sản thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2024, 2025 để tiến hành kiểm tra. Cụ thể: Năm 2024, Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện 04 gói thầu⁴³ Mua bò cái sinh sản với tổng kinh phí là 1.628.000.000 đồng; năm 2025, Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện 04 gói thầu⁴⁴ Mua bò cái sinh sản với tổng kinh phí là 1.422.520.000 đồng.

³⁷ Vốn được cấp 75.000.000 đồng; vốn đối ứng địa phương 86.000.000 đồng.

³⁸ (1) Dự án 2: Đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo: Hỗ trợ đa dạng hóa sinh kế, xây dựng và nhân rộng mô hình, dự án giảm nghèo; (2) Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp; (3) Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững; (4) Dự án 6: Truyền thông và giảm nghèo về thông tin; (5) Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình.

³⁹ Vốn được cấp 1.134.000.000 đồng; vốn bổ sung 159.300.000 đồng.

⁴⁰ (1) Dự án 1: giảm thiểu tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt; (2) Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị; (3) Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống...Duy tu bảo dưỡng; (4) Dự án 8: Thực hiện bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em; (5) Dự án 9, tiểu dự án 2: Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số; (6) Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình.

⁴¹ Vốn được cấp 1.726.400.000 đồng; vốn bổ sung 82.000.000 đồng.

⁴² Vốn được cấp 127.000.000 đồng; vốn đối ứng địa phương 200.000.000 đồng; vốn bổ sung 6.710.000 đồng.

⁴³ (1) Gói thầu số 1: Tổng kinh phí 594.000.000 đồng; chủng loại vật nuôi Bò cái sinh sản (bò vàng) từ 24 tháng, trọng lượng từ 180kg-220kg (trọng lượng trung bình 200kg/con); số lượng 27 con; đơn giá 22.000.000 đồng/con; (2) Gói thầu số 2: Tổng kinh phí 154.000.000 đồng; chủng loại vật nuôi Bò cái sinh sản (bò vàng) từ 24 tháng, trọng lượng từ 180kg-220kg (trọng lượng trung bình 200kg/con); số lượng 07 con; đơn giá 22.000.000 đồng/con; (3) Gói thầu số 3: Tổng kinh phí 330.000.000 đồng; chủng loại vật nuôi Bò cái sinh sản (bò vàng), từ 24 tháng, trọng lượng từ 180kg-220kg (trọng lượng trung bình 200kg/con); số lượng 15 con; đơn giá 22.000.000 đồng/con; (4) Gói thầu số 4: Tổng kinh phí 550.000.000 đồng; chủng loại vật nuôi Bò cái sinh sản (bò vàng), từ 24 tháng, trọng lượng từ 180kg-220kg (trọng lượng trung bình 200kg/con); số lượng 25 con; đơn giá 22.000.000 đồng/con

⁴⁴ (1) Gói thầu số 1: Tổng kinh phí 517.000.000 đồng; chủng loại vật nuôi Bò cái sinh sản (bò vàng) từ 24 tháng, trọng lượng từ 180kg-220kg (trọng lượng trung bình 296 kg/con); số lượng 24 con; đơn giá 21.560.000 đồng/con; (2) Gói thầu số 2: Tổng kinh phí 258.720.000 đồng; chủng loại vật nuôi Bò cái sinh sản (bò vàng) từ 24 tháng, trọng lượng từ 180kg-220kg (trọng lượng trung bình 196 kg/con); số lượng 12 con; đơn giá 21.560.000 đồng/con; (3) Gói thầu số 3: Tổng kinh phí 431.200.000 đồng; chủng loại vật nuôi Bò cái sinh sản (bò vàng), từ 24 tháng, trọng lượng từ 180kg-220kg (trọng lượng trung bình 196kg/con); số lượng 20 con; đơn giá 21.560.000 đồng/con; (4) Gói thầu số 4: Tổng kinh phí 215.600.000 đồng; chủng loại vật nuôi Bò cái sinh sản (bò vàng), từ 24 tháng, trọng lượng từ 180kg-220kg (trọng lượng trung bình 196kg/con); số lượng 10 con; đơn giá 21.560.000 đồng/con.

Qua thanh tra, thấy:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đã thực hiện 08 gói thầu Mua bò cái sinh sản bảo đảm đúng trình tự, thủ tục, hồ sơ theo mẫu hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất cộng đồng trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum (cũ) và tỉnh Quảng Ngãi (mới) bảo đảm theo quy định tại Nghị quyết số 72/2023/NQ-HĐND⁴⁵ ngày 10/12/2023 của HĐND tỉnh Kon Tum, Quyết định số 369/QĐ-UBND⁴⁶ ngày 30/5/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Tiêu chuẩn bò cái sinh sản (bò vàng) bảo đảm theo quy định tại Quyết định số 31/2019/QĐ-UBND⁴⁷ ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Mức hỗ trợ sản xuất cộng đồng mua bò giống bảo đảm theo điểm a⁴⁸ khoản 2 Điều 2 Nghị quyết số 31/2023/NQ-HĐND⁴⁹ ngày 11/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum.

b4. Việc đầu tư các công trình, dự án

Trong thời kỳ thanh tra, trên cơ sở hồ sơ, tài liệu do Ủy ban nhân dân xã cung cấp cho Đoàn (*Báo cáo số 68/BC-UBND ngày 10/3/2026*), Ủy ban nhân dân xã Mô Rai đã triển khai thực hiện tổng cộng 18 công trình (*10 công trình nguồn vốn chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030⁵⁰, 08 công trình nguồn vốn địa phương⁵¹*). Cụ thể:

- Năm 2024 triển khai 08 công trình (*04 công trình nguồn vốn chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai*

⁴⁵ Ban hành Quy định nội dung hồ trợ dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị; mẫu hồ sơ, trình tự thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất nông nghiệp; nội dung hồ trợ, trình tự, thủ tục, mẫu hồ sơ, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng trong thực hiện các Chương trình.

⁴⁶ Ban hành mẫu hồ sơ đề xuất dự án, phương án sản xuất cộng đồng trong thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

⁴⁷ Ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật một số loại cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

⁴⁸ "...a) Đối với địa bàn đặc biệt khó khăn: Hỗ trợ không quá 95% tổng kinh phí thực hiện một (1) dự án, phương án, nhưng không quá 600 triệu đồng/dự án, phương án..."

⁴⁹ Quy định định mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện một (1) dự án, kế hoạch, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 – 2025 trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

⁵⁰ Nâng cấp hệ thống Đài phát thanh xã; Đường nội thôn Ia Tri (đoạn từ Km 00+620 đến ngã 3 đội 9); Đường nội thôn Ia Tri (đoạn từ kho mù Đội 3 đi cầu treo); Đường nội thôn Ia Tri (đoạn từ nhà Dũng Thủy đến trụ sở đội 9 Công ty TNHH MTV 78); Đường bê tông xi măng vào nghĩa địa làng Kđín; Nâng cấp mương thoát nước, cống ngang đường nội thôn Làng Rẽ; Duy tu, bảo dưỡng cầu treo dân sinh làng Grập, xã Mô Rai; Duy tu, bảo dưỡng cầu treo dân sinh làng Rẽ 1, xã Mô Rai; Sửa chữa thiết chế nhà văn hóa làng Kênh; Bê tông hóa Kênh mương nội đồng làng Tang.

⁵¹ Nâng cấp đường nội thôn Làng Grập (đoạn từ nhà ông Bộ đến đường đi khu sản xuất); Khắc phục sạt lở bờ suối và cống đường liên thôn từ làng Tang đi Đội 4, thôn Ia Xoăn, xã Mô Rai; Khắc phục, sửa chữa Đường nội thôn làng Kênh, xã Mô Rai (đoạn từ Cổng chào đến nhà bà Y Ủ); Sửa chữa kênh mương nội đồng làng Grập; Duy tu, sửa chữa đường nội thôn làng Rẽ (đoạn từ quốc lộ 14C đến nhà ông A Quáu); Bê tông hóa đường liên thôn làng Tang đi thôn Ia Xoăn (đoạn từ đội 4 đi làng Tang); Bê tông hóa đường liên thôn làng Tang đi thôn Ia Xoăn (giai đoạn 2); Bê tông hóa đường liên thôn từ đội 4 đi làng Tang (đoạn nối tiếp).

đoạn 2021-2030⁵², 04 công trình nguồn vốn địa phương⁵³); với tổng mức đầu tư phê duyệt là 3.729.087.000 đồng, tổng giá trị xây lắp thiết bị đã thanh toán là 3.339.679.711 đồng, tổng giá trị xây lắp thi công thực tế là 3.298.090.711 đồng.

- Năm 2025 triển khai 10 công trình (06 công trình nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030⁵⁴, 04 công trình nguồn vốn địa phương⁵⁵); với tổng mức đầu tư phê duyệt là 4.572.076.000 đồng, tổng giá trị xây lắp thiết bị đã thanh toán là 4.196.659.000 đồng, tổng giá trị xây lắp thi công thực tế là 4.181.804.000 đồng.

Theo đó, Đoàn đã tiến hành kiểm tra, xác minh hồ sơ, tài liệu của 18 dự án, kết hợp với việc kiểm tra trực quan, đo đạc thực địa đối với 15 dự án⁵⁶; không thực hiện kiểm tra đối với 03⁵⁷ dự án còn lại⁵⁸, Chủ đầu tư (Ủy ban nhân dân xã Mô Rai), các đơn vị tư vấn giám sát, các nhà thầu thi công chịu trách nhiệm toàn bộ về tính chính xác, trung thực của khối lượng nghiệm thu, quyết toán, chất lượng thi công xây dựng công trình,... tại 03 dự án nêu trên theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng.

Qua thanh tra, thấy:

- Kết quả đạt được

⁵² Nâng cấp hệ thống Đài phát thanh xã; Đường nội thôn Ia Tri (đoạn từ Km 00+620 đến ngã 3 đội 9); Đường bê tông xi măng vào nghĩa địa làng Kđin; Sửa chữa thiết chế nhà văn hóa làng Kênh.

⁵³ Nâng cấp đường nội thôn Làng Grập (đoạn từ nhà ông Bộ đến đường đi khu sản xuất); Duy tu, sửa chữa đường nội thôn làng Rẽ (đoạn từ quốc lộ 14C đến nhà ông A Quáu); Bê tông hóa đường liên thôn làng Tang đi thôn Ia Xoăn (đoạn từ đội 4 đi làng Tang); Bê tông hóa đường liên thôn làng Tang đi thôn Ia Xoăn (giai đoạn 2).

⁵⁴ Đường nội thôn Ia Tri (đoạn từ kho mủ Đội 3 đi cầu treo); Đường nội thôn Ia Tri (đoạn từ nhà Dững Thù đến trụ sở đội 9 Công ty TNHH MTV 78); Nâng cấp mương thoát nước, cống ngang đường nội thôn Làng Rẽ; Duy tu, bảo dưỡng cầu treo dân sinh làng Grập, xã Mô Rai; Duy tu, bảo dưỡng cầu treo dân sinh làng Rẽ 1, xã Mô Rai; Bê tông hóa Kênh mương nội đồng làng Tang.

⁵⁵ Khắc phục sạt lở bờ suối và cống đường liên thôn từ làng Tang đi Đội 4, thôn Ia Xoăn, xã Mô Rai; Khắc phục, sửa chữa Đường nội thôn làng Kênh, xã Mô Rai (đoạn từ Cống chào đến nhà bà Y Ủ); Sửa chữa kênh mương nội đồng làng Grập; Bê tông hóa đường liên thôn từ đội 4 đi làng Tang (đoạn nối tiếp).

⁵⁶ Nâng cấp hệ thống Đài phát thanh xã; Đường nội thôn Ia Tri (đoạn từ Km 00+620 đến ngã 3 đội 9); Đường bê tông xi măng vào nghĩa địa làng Kđin; Nâng cấp đường nội thôn Làng Grập (đoạn từ nhà ông Bộ đến đường đi khu sản xuất); Duy tu, sửa chữa đường nội thôn làng Rẽ (đoạn từ quốc lộ 14C đến nhà ông A Quáu); Bê tông hóa đường liên thôn làng Tang đi thôn Ia Xoăn (đoạn từ đội 4 đi làng Tang); Bê tông hóa đường liên thôn làng Tang đi thôn Ia Xoăn (giai đoạn 2); Đường nội thôn Ia Tri (đoạn từ kho mủ Đội 3 đi cầu treo); Đường nội thôn Ia Tri (đoạn từ nhà Dững Thù đến trụ sở đội 9 Công ty TNHH MTV 78); Nâng cấp mương thoát nước, cống ngang đường nội thôn Làng Rẽ; Duy tu, bảo dưỡng cầu treo dân sinh làng Rẽ 1, xã Mô Rai; Bê tông hóa Kênh mương nội đồng làng Tang; Khắc phục sạt lở bờ suối và cống đường liên thôn từ làng Tang đi Đội 4, thôn Ia Xoăn, xã Mô Rai; Khắc phục, sửa chữa Đường nội thôn làng Kênh, xã Mô Rai (đoạn từ Cống chào đến nhà bà Y Ủ); Bê tông hóa đường liên thôn từ đội 4 đi làng Tang (đoạn nối tiếp).

⁵⁷ Sửa chữa thiết chế nhà văn hóa làng Kênh; Duy tu, bảo dưỡng cầu treo dân sinh làng Grập, xã Mô Rai; Sửa chữa kênh mương nội đồng làng Grập.

⁵⁸ Do điều kiện khách quan (địa hình chia cắt, thời tiết và thời gian thanh tra trực tiếp có thời hạn theo quy định), Đoàn không tổ chức kiểm tra thực địa tại hiện trường, trách nhiệm đối với tính chính xác, trung thực của khối lượng nghiệm thu, quyết toán và chất lượng thi công xây dựng công trình tại 03 dự án chưa kiểm tra thực địa nêu trên hoàn toàn thuộc về Chủ đầu tư (UBND xã Mô Rai), đơn vị tư vấn giám sát và các nhà thầu thi công theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng.

+ Chủ đầu tư và các đơn vị liên quan đã thiết lập hồ sơ pháp lý, thực hiện trình tự, thủ tục đầu tư (*từ khâu lập, thẩm tra, thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đến triển khai thi công hoặc mua sắm thiết bị*) theo đúng quy định tại Điều 4 Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng của 18/18 dự án.

+ Về công tác lựa chọn nhà thầu: Chủ đầu tư đã phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện quy trình lựa chọn nhà thầu về cơ bản đảm bảo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu của 18/18 dự án.

+ Công tác quản lý kỹ thuật, chất lượng xây dựng công trình: Chủ đầu tư và các nhà thầu liên quan đã thực hiện công tác quản lý chất lượng cơ bản đảm bảo theo quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng của 18/18 dự án.

+ Công tác nghiệm thu, thanh toán: Chủ đầu tư và các nhà thầu thực hiện đúng về nghiệm thu thanh toán, được quy định tại Nghị định số 06/2021/NĐ-CP và Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22/4/2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng của 16/18 dự án⁵⁹.

- Tồn tại, hạn chế

Tổng mức đầu tư phê duyệt 18 dự án là 8.301.163.000 đồng, tổng giá trị xây lắp đã nghiệm thu, thanh toán là 7.536.338.711 đồng, tổng giá trị xây lắp thi công thực tế là 7.479.894.711 đồng. Qua rà soát, đối chiếu, có sự chênh lệch trong công tác nghiệm thu thanh toán và giá trị thực tế thi công số tiền là 56.444.000 đồng. Trên cơ sở đó, Đoàn kiến nghị thu hồi giá trị xây lắp với số tiền chênh lệch là **56.444.000 đồng** (*Chi tiết tại Phụ lục 07 kèm theo*). Cụ thể:

⁵⁹ Nâng cấp hệ thống Đài phát thanh xã; Đường nội thôn Ia Tri (đoạn từ Km 00+620 đến ngã 3 đội 9); Đường bê tông xi măng vào nghĩa địa làng Kđin; Sửa chữa thiết chế nhà văn hóa làng Kênh; Nâng cấp đường nội thôn Làng Grập (đoạn từ nhà ông Bộ đến đường đi khu sản xuất); Duy tu, sửa chữa đường nội thôn làng Rẽ (đoạn từ quốc lộ 14C đến nhà ông A Quầu); Bê tông hóa đường liên thôn làng Tang đi thôn Ia Xoăn (đoạn từ đội 4 đi làng Tang); Đường nội thôn Ia Tri (đoạn từ kho mủ Đội 3 đi cầu treo); Đường nội thôn Ia Tri (đoạn từ nhà Dững Thù đến trụ sở đội 9 Công ty TNHH MTV 78); Nâng cấp mương thoát nước, cống ngang đường nội thôn Làng Rẽ; Duy tu, bảo dưỡng cầu treo dân sinh làng Grập, xã Mô Rai; Duy tu, bảo dưỡng cầu treo dân sinh làng Rẽ 1, xã Mô Rai; Bê tông hóa Kênh mương nội đồng làng Tang; Khắc phục, sửa chữa Đường nội thôn làng Kênh, xã Mô Rai (đoạn từ Cổng chào đến nhà bà Y Ủ); Sửa chữa kênh mương nội đồng làng Grập; Bê tông hóa đường liên thôn từ đội 4 đi làng Tang (đoạn nối tiếp).

(1) Hạn chế, khuyết điểm phát hiện năm 2024 (*Chi tiết tại Phụ lục 08 kèm theo*)

- Tên dự án: Bê tông hóa đường liên thôn làng Tang đi thôn Ia Xoăn (*giai đoạn 2*).

- Hạn chế, khuyết điểm: Chủ đầu tư (*Ủy ban nhân dân xã Mô Rai*), đơn vị thi công và tư vấn giám sát đã lập hồ sơ nghiệm thu, thanh toán khối lượng xây lắp vượt quá khối lượng thực tế thi công so với bản vẽ thiết kế hoàn công và hợp đồng kinh tế đã ký kết.

- Số tiền thu hồi xác định: 41.589.000 đồng (*Bốn mươi một triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng*).

(2) Hạn chế, khuyết điểm phát hiện năm 2025 (*Chi tiết tại Phụ lục 09 kèm theo*)

- Tên dự án: Khắc phục sạt lở bờ suối và cống đường liên thôn từ làng Tang đi Đội 4, thôn Ia Xoăn, xã Mô Rai.

- Hạn chế, khuyết điểm: Nghiệm thu và lập thủ tục thanh toán sai lệch khối lượng thi công thực tế, không đúng so với hồ sơ thiết kế được duyệt và hợp đồng xây lắp.

- Số tiền thu hồi xác định: 14.855.000 đồng (*Mười bốn triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

2.6. Việc thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đã tổ chức hướng dẫn việc tổ chức thực hiện kê khai, công khai tài sản, thu nhập cho người có nghĩa vụ kê khai theo kế hoạch⁶⁰; phê duyệt danh sách người có nghĩa vụ kê khai tài sản, thu nhập gửi Thanh tra tỉnh Kon Tum (cũ) và tỉnh Quảng Ngãi (mới)⁶¹; thực hiện công khai bản kê khai.

Qua thanh tra, thấy:

- Năm 2024, tổng số người có nghĩa vụ phải kê khai tài sản, thu nhập hằng năm là 13 người (*Kê khai lần đầu: 03 trường hợp; kê khai phục vụ công tác cán bộ: 06 trường hợp; kê khai hằng năm: 09 trường hợp*).

- Năm 2025, tổng số người có nghĩa vụ phải kê khai tài sản, thu nhập hằng năm là 25 người (*kê khai phục vụ công tác cán bộ 23 trường hợp; kê khai hằng năm: 23 trường hợp; kê khai bổ sung 03 trường hợp*).

Việc kê khai, công khai tài sản, thu nhập được thực hiện theo đúng danh sách người có nghĩa vụ kê khai kèm theo Kế hoạch; có lập biên bản công khai bản kê

⁶⁰ Kế hoạch số 71/KH-UB ngày 09/12/2025 về việc Kê khai và công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2025.

⁶¹ Sau khi thực hiện chính quyền 02 cấp từ ngày 01/7/2025.

khai; lập giấy giao, nhận bản kê khai; thực hiện báo cáo kết quả công tác kê khai⁶² theo quy định⁶³.

3. Công tác phát hiện tham nhũng

3.1. Việc phát hiện tham nhũng qua công tác kiểm tra, tự kiểm tra

Trong kỳ thanh tra, Ủy ban nhân dân xã có ban hành kế hoạch tự kiểm tra việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ và quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ quan, đơn vị⁶⁴. Qua kiểm tra, Ủy ban nhân dân xã chưa phát hiện vụ việc có liên quan đến hành vi tham nhũng.

3.2. Việc phát hiện tham nhũng qua công tác giải quyết phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng

Trong thời kỳ thanh tra, không có trường hợp tiếp nhận các văn bản, thông tin phản ánh, tố cáo về hành vi tham nhũng nên không tiến hành các hoạt động giải quyết tố cáo, xử lý phản ánh hành vi tham nhũng theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 65 Luật PCTN năm 2018. Vì vậy, không có báo cáo và xử lý báo cáo về hành vi tham nhũng, kiến nghị bảo vệ, khen thưởng người phản ánh, tố cáo, báo cáo về hành vi tham nhũng theo quy định tại Điều 66, Điều 67, Điều 68 Luật PCTN 2018.

4. Việc xử lý tham nhũng

Trong thời kỳ thanh tra, tại Ủy ban nhân dân xã không có trường hợp người có hành vi tham nhũng; không có tài sản tham nhũng xử lý, thu hồi; không có việc xử lý hành vi khác vi phạm pháp luật PCTN.

5. Việc thực hiện các kết luận thanh tra, kiểm tra, báo cáo kiểm toán, các quyết định xử lý và việc chấp hành chỉ đạo của cấp trên về công tác PCTN

Trong thời kỳ thanh tra, tại Ủy ban nhân dân xã không có các kết luận thanh tra, kiểm toán, báo cáo kiểm toán, các quyết định xử lý và việc chấp hành chỉ đạo của cấp trên về công tác PCTN.

III. KẾT LUẬN

Trong thời kỳ thanh tra, Ủy ban nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã đã triển khai các nội dung chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác PCTNLP, tiêu cực; ban hành các quy định, quy chế và các văn bản cụ thể để chỉ đạo, tổ chức thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ. Nhờ đó, công

⁶² Báo cáo số 339/BC-UBND ngày 27/12/2024 về kết quả kê khai tài sản, thu nhập đầu năm 2024; Báo cáo số 21/BC-UBND ngày 15/01/2026 về thực hiện công tác thực hiện công tác kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2025.

⁶³ Luật PCTN năm 2018; Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

⁶⁴ Năm 2024: Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 24/02/2024 về việc tự kiểm tra việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ và quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ quan, đơn vị năm 2024;

Năm 2025: Kế hoạch số 18/KH-UB ngày 24/01/2025 về việc tự kiểm tra việc thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ và quy chế chi tiêu nội bộ tại cơ quan, đơn vị năm 2025;

tác PCTNLP, tiêu cực tại đơn vị được tổ chức thực hiện kịp thời, tạo được sự chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước trên địa bàn xã. Việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng, lãng phí như: tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; thực hiện công khai minh bạch về tổ chức và hoạt động; thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập; xây dựng và ban hành định mức, tiêu chuẩn, chế độ và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo về công tác PCTNLP, tiêu cực được Ủy ban nhân dân xã thực hiện bảo đảm theo quy định. Việc triển khai Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân, từng bước xóa đói giảm nghèo. Công tác quản lý đầu tư xây dựng các công trình, dự án và mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ được triển khai thực hiện theo quy định của pháp luật; thực hiện quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách, tài sản công bảo đảm theo quy định. Tuy nhiên, qua kiểm tra một số nội dung nêu trên thấy còn tồn tại, khuyết điểm và hạn chế như sau:

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo và thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng

Công tác PCTNLP, tiêu cực của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã chưa triển khai thực hiện một số nội dung chỉ đạo⁶⁵ của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; chưa thực hiện đầy đủ báo cáo định kỳ⁶⁶ theo quy định tại Thông tư số 01/2024/TT-TTCT. Việc triển khai các biện pháp PCTN vẫn còn một số nội dung chưa bảo đảm theo quy định như: Công tác công khai, minh bạch chưa đầy đủ; chưa thực hiện chuyển đổi vị trí công tác; chưa xây dựng Quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn; chưa xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ từ sau khi thực hiện chính quyền 02 cấp từ ngày 01/7/2025.

* *Nguyên nhân*: Sau khi tổ chức thực hiện chính quyền 02 cấp từ ngày 01/7/2025, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân xã chưa có tính ổn định, cán bộ, công chức còn lúng túng nên việc rà soát, nghiên cứu, cụ thể hóa và tổ chức thực hiện còn thiếu sót tại một số văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác PCTNLP, tiêu cực; công tác báo cáo định kỳ, chuyên đề chưa kịp thời; việc thực hiện các biện pháp phòng ngừa chưa hiệu quả.

⁶⁵ (1) Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 28/07/2025 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 193/NQ-CP ngày 27/6/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Quy định số 189-QĐ/TW ngày 08/10/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, PCTN, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công; (2) Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 06/08/2025 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 224/2025/QH15 ngày 27/6/2025 về chất vấn tại Kỳ họp thứ 9 và Nghị quyết số 227/2025/QH15 ngày 27/6/2025 về Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XV; (3) Công văn số 2742/UBND-NC ngày 22/09/2025 về triển khai thực hiện chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư về công tác nội chính, PCTN, lãng phí, tiêu cực và cải cách tư pháp; (4) Công văn số 192/UBND-NC ngày 30/10/2025 về việc thực hiện kết luận Phiên họp thứ 27 của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, lãng phí, tiêu cực (M).

⁶⁶ Báo cáo quý I, 9 tháng năm 2024; Báo cáo quý I, 6 tháng, 9 tháng năm 2025 về công tác PCTNLPTC.

** Trách nhiệm thuộc về Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Trưởng các phòng chuyên môn trực thuộc và các cá nhân có liên quan (giai đoạn năm 2024 - 2025).*

2. Về thực hiện quản lý, sử dụng tài chính, ngân sách và tài sản công

a) Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, Ủy ban nhân dân xã chưa kịp thời rà soát, ban hành mới Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công để đảm bảo phù hợp với tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân xã mới⁶⁷ và quy định⁶⁸ có liên quan trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi mới.

b) Ủy ban nhân dân xã trích lập dự phòng⁶⁹ trên tổng chi ngân sách chưa đảm bảo định mức bố trí theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015.

** Tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi:* Khuyết điểm, thiếu sót nêu trên của Ủy ban nhân dân xã chỉ tác động trong nội bộ.

** Nguyên nhân:* Cán bộ, công chức chưa kịp thời rà soát, cập nhật đầy đủ, kịp thời các quy định mới để tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ban hành tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

** Trách nhiệm thuộc về Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Trưởng phòng Kinh tế và các cá nhân có liên quan (giai đoạn năm 2024 - 2025).*

3. Thực hiện mua sắm, sử dụng tài sản, hàng hóa, dịch vụ có giá trị gói thầu từ 20 triệu trở lên thực hiện trong giai đoạn 2024 – 2025 từ nguồn kinh phí tự chủ của Ủy ban nhân dân xã

Trong thời kỳ thanh tra, Ủy ban nhân dân xã chưa kịp thời xây dựng định mức, tiêu chuẩn mua sắm tài sản, trang thiết bị theo quy định tại Điều 12, khoản 3 Điều 13 Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2013.

** Tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi:* Khuyết điểm, thiếu sót chỉ tác động trong nội bộ của cơ quan.

** Nguyên nhân:* Sau khi tổ chức thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp từ sau ngày 01/7/2025, tổ chức bộ máy của Ủy ban nhân dân xã chưa được ổn định, cán bộ, công chức còn lúng túng nên chưa kịp thời rà soát tham mưu đầy đủ theo quy định.

** Trách nhiệm thuộc về Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Trưởng các phòng chuyên môn trực thuộc và các cá nhân có liên quan (giai đoạn năm 2024 - 2025).*

⁶⁷ Nghị định số 150/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

⁶⁸ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2025.

⁶⁹ Năm 2024, UBND xã Mô Rai trích lập dự phòng 223 triệu đồng (tương đương 1,26% tổng chi ngân sách xã); năm 2025 UBND xã Mô Rai trích lập dự phòng 746 triệu đồng (tương đương 1,9987% tổng chi ngân sách xã).

4. Việc đầu tư các công trình, dự án

Tổng mức đầu tư phê duyệt 18 dự án là 8.301.163.000 đồng, tổng giá trị xây lắp đã nghiệm thu, thanh toán là 7.536.338.711 đồng, tổng giá trị xây lắp thi công thực tế là 7.479.894.711 đồng. Qua rà soát, đối chiếu, có sự chênh lệch trong công tác nghiệm thu thanh toán và giá trị thực tế thi công số tiền là 56.444.000 đồng. Trên cơ sở đó, Đoàn kiến nghị thu hồi giá trị xây lắp với số tiền chênh lệch là **56.444.000 đồng**. Cụ thể:

a) Hạn chế, khuyết điểm phát hiện năm 2024

- *Tên dự án:* Bê tông hóa đường liên thôn làng Tang đi thôn Ia Xoăn (giai đoạn 2).

- *Hạn chế, khuyết điểm:* Chủ đầu tư (Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Mô Rai), đơn vị thi công và tư vấn giám sát đã lập hồ sơ nghiệm thu, thanh toán khối lượng xây lắp vượt quá khối lượng thực tế thi công so với bản vẽ thiết kế hoàn công và hợp đồng kinh tế đã ký kết.

- *Tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi:* Khuyết điểm, thiếu sót chỉ tác động trong nội bộ của cơ quan.

- *Nguyên nhân:* Tại hạng mục Nền, mặt đường, không thi công các nội dung công việc như khe Co có thép, khe Co không thép, khe dẫn; hạng mục Rãnh dọc gia cố không thi công rải giấy dầu lớp cách ly giữa nền đất và lớp bê tông rãnh đá 1x2 M200.

- *Số tiền sai phạm xác định:* 41.589.000 đồng (Bốn mươi một triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng).

Trách nhiệm để xảy ra các sai sót trên thuộc về Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Mô Rai năm 2024 (ông A Trường) và các cá nhân có liên quan.

b) Hạn chế, khuyết điểm phát hiện năm 2025

- *Tên dự án:* Khắc phục sạt lở bờ suối và cống đường liên thôn từ làng Tang đi Đội 4, thôn Ia Xoăn, xã Mô Rai.

- *Hạn chế, khuyết điểm:* Nghiệm thu và lập thủ tục thanh toán sai lệch khối lượng thi công thực tế, không đúng so với hồ sơ thiết kế được duyệt và hợp đồng xây lắp.

- *Tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi:* Khuyết điểm, thiếu sót chỉ tác động trong nội bộ của cơ quan.

- *Nguyên nhân:* Đơn vị thi công không sử dụng 100% đá hộc để thi công rọ đá như hồ sơ thiết kế được duyệt, mà tận dụng 30% đá cuội, đá suối có sẵn để thi công rọ đá; 70% sử dụng đá hộc.

- Số tiền thu hồi xác định: 14.855.000 đồng (Mười bốn triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Trách nhiệm để xảy ra các sai sót trên thuộc về Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Mô Rai (ông A Phung), Trưởng phòng Kinh tế năm 2025 (ông Dương Thanh Tùng – chủ đầu tư dự án) và các cá nhân có liên quan.

IV. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Từ các nội dung kết luận nêu trên, Chánh Thanh tra tỉnh:

1. Đề nghị Ủy ban nhân dân xã Mô Rai

a) Xử lý về kinh tế

Chỉ đạo, kiểm tra, rà soát, truy thu và nộp vào ngân sách nhà nước số tiền 56.444.000 đồng, (Năm mươi sáu triệu bốn trăm bốn mươi bốn ngàn đồng), qua tài khoản tạm giữ của Thanh tra tỉnh số 3949.0.1082449.00000 tại Kho bạc Nhà nước Khu vực số XV - Phòng Nghiệp vụ 2. Cụ thể:

(1) Tên dự án: Bê tông hóa đường liên thôn làng Tang đi thôn Ia Xoăn (giai đoạn 2). Thu hồi giá trị thanh toán thừa như đã nêu: 41.589.000 đồng (Bốn mươi một triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng).

(2) Tên dự án: Khắc phục sạt lở bờ suối và cống đường liên thôn từ làng Tang đi Đội 4, thôn Ia Xoăn, xã Mô Rai. Thu hồi giá trị thanh toán thừa như đã nêu: 14.855.000 đồng (Mười bốn triệu tám trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

b) Xử lý về hành chính

- Tổ chức kiểm điểm làm rõ trách nhiệm và xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định; đồng thời chỉ đạo thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc có liên quan tiến hành kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm của tổ chức, cá nhân để xảy ra các tồn tại, khuyết điểm và hạn chế đã nêu tại Kết luận này để xử lý theo đúng quy định. (Chi tiết tại Phụ lục 10 kèm theo)

- Triển khai thực hiện kết luận thanh tra; có biện pháp chấn chỉnh, khắc phục, xử lý đối với những tồn tại, khuyết điểm và hạn chế đã nêu tại Kết luận này, đồng thời khẩn trương sửa đổi, bổ sung, ban hành theo thẩm quyền các văn bản cụ thể hóa chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh⁷⁰, quy tắc ứng xử của người có chức vụ quyền hạn, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý,

⁷⁰ (1) Kế hoạch số 08/KH-UBND ngày 28/07/2025 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 193/NQ-CP ngày 27/6/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Quy định số 189-QĐ/TW ngày 08/10/2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, PCTN, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công; (2) Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 06/08/2025 về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 224/2025/QH15 ngày 27/6/2025 về chất vấn tại Kỳ họp thứ 9 và Nghị quyết số 227/2025/QH15 ngày 27/6/2025 về Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XV; (3) Công văn số 2742/UBND-NC ngày 22/09/2025 về triển khai thực hiện chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư về công tác nội chính, PCTN, lãng phí, tiêu cực và cải cách tư pháp; (4) Công văn số 192/UBND-NC ngày 30/10/2025 về việc thực hiện kết luận Phiên họp thứ 27 của Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, lãng phí, tiêu cực (M).

sử dụng tài sản công phù hợp với mô hình chính quyền cấp xã từ ngày 01/7/2025 theo đúng quy định pháp luật. Trong quá trình thực hiện Kết luận thanh tra, nếu phát hiện gây thất thoát ngân sách nhà nước, có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự thì chuyển Cơ quan điều tra để xử lý theo quy định của pháp luật.

c) Ban hành Kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện Kết luận thanh tra này; tổ chức niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở trong 15 ngày liên tục kể từ ngày công bố Kết luận thanh tra. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày công khai Kết luận này phải báo cáo kết quả thực hiện (*kèm theo tài liệu, chứng cứ chứng minh*) cho Thanh tra tỉnh để theo dõi, tổng hợp, kiểm tra, đôn đốc, báo cáo theo quy định.

2. Giao Chánh Văn phòng - Thanh tra tỉnh thực hiện công khai Kết luận thanh tra trên Trang thông tin điện tử cơ quan theo quy định; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Kết luận thanh tra theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ (*báo cáo*);
 - Ủy ban nhân dân tỉnh (*báo cáo*);
 - Cục II, IV - Thanh tra Chính phủ;
 - Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
 - Ban Nội chính Tỉnh ủy;
 - Lãnh đạo Thanh tra tỉnh;
 - Ủy ban nhân dân xã Mô Rai;
 - Văn phòng và các Phòng Nghiệp vụ;
 - Lưu: VT, ĐTTtr. (bvhung 22b)
- * Tài liệu được phép sao chụp theo quy định





PHỤ LỤC 01

Danh mục văn bản được ban hành để thực hiện công tác PCTN, LP tại Ủy ban nhân dân xã Mô Rai
(Kèm theo Kết luận số 12/KL-TK ngày 15/7/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh)

STT	số ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	MẬT	Trích yếu nội dung văn bản
Năm 2024				
I		CÁC CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH ĐÃ BAN HÀNH VÀ ĐƯỢC ÁP DỤNG		
1	số: 05/KH-UBND	25/01/2024		Kế hoạch của Ủy ban nhân dân xã Mô Rai về triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia PCTN, tiêu cực đến năm 2030
2	số: 06/KH-UBND	29/01/2024		Kế hoạch của Ủy ban nhân dân xã Mô Rai về triển khai công tác PCTN, tiêu cực và thực hiện Chỉ thị 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn xã trong năm 2024
3	số: 14/KH-UBND	22/02/2024		Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật Quý I năm 2024
4	số: 42/KH-UBND	06/5/2024		Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật Quý II năm 2024
5	số: 66/KH-UBND	28/7/2024		Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật Quý III năm 2024
6	số: 85/KH-UBND	21/10/2024		Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật Quý IV năm 2024
7	số: 09/KH-UBND	02/02/2024		Kế hoạch về thực hiện công tác kiểm soát xung đột lợi ích trên địa bàn xã năm 2024
II		CÁC QUY ĐỊNH, QUY CHẾ, QUY TẮC VÀ VĂN BẢN KHÁC ĐÃ BAN HÀNH VÀ ĐƯỢC ÁP DỤNG		
1	số: 190/QĐ-UBND	13/12/2024		Quyết định phân công nhiệm vụ của Chủ tịch, các phó chủ tịch Ủy ban nhân dân, công chức UBND xã Mô Rai theo Nghị định số: 33/2023NĐ-CP của Chính phủ; văn thư lưu trữ, thủ quỹ kiêm tạp vụ và kinh tế tổng hợp theo Nghị quyết số: 55/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Kon Tum
2	số: 141/QĐ-UBND	28/10/2024		Quyết định ban hành Quy chế đánh giá cán bộ, công chức xã Mô Rai năm 2024
3	số: 07/QĐ-UBND	22/01/2024		Quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024
4	số: 07/QĐ-UBND	23/01/2024		Quyết định ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của Ủy ban nhân dân xã Mô Rai
5	số: 06/QĐ-UBND	22/01/2024		Quyết định công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024 xã Mô Rai
6	số: 60/QĐ-UBND	25/4/2025		Quyết định công khai quyết toán ngân sách năm 2024
7	số: 01/QC-UBND	23/02/2024		Quy chế chính sách chất lượng năm 2024
8	số: 71/CV-UBND	28/5/2024		Công văn về việc chấp hành nghiêm giờ giấc làm việc, kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện quy chế văn hóa công sở, đạo đức công sở của đội ngũ cán bộ, công chức trên địa bàn xã
Năm 2025				
I		CÁC CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH ĐÃ BAN HÀNH VÀ ĐƯỢC ÁP DỤNG		
1	số: 36/KH-UBND	26/3/2025		Kế hoạch của Ủy ban nhân dân xã Mô Rai về công tác PCTN trên địa bàn xã Mô Rai năm 2025
2	số: 30/KH-UBND	29/8/2025		Kế hoạch của Ủy ban nhân dân xã Mô Rai triển khai công tác PCTN, tiêu cực trên địa bàn xã năm 2025.

3	số: 18/KH-UBND	22/2/2025	Kế hoạch của Ủy ban nhân dân xã Mô Rai về tuyên truyền, phổ biến pháp luật Quý I năm 2025
4	số: 42/KH-UBND	18/4/2025	Kế hoạch của Ủy ban nhân dân xã Mô Rai về tuyên truyền, phổ biến pháp luật Quý II năm 2025
5	số: 01/KH-UBND	02/01/2025	Kế hoạch về thực hiện cải cách hành chính Nhà nước trên địa bàn xã Mô Rai năm 2025
6	số: 06/KH-UBND	24/7/2025	Kế hoạch của Ủy ban nhân dân xã Mô Rai về cải cách hành chính năm 2025 trên địa bàn xã Mô Rai
7	số: 09/KH-UBND	01/8/2025	Kế hoạch của UBND xã Mô Rai về định kỳ chuyển đổi vị trí công tác năm 2025.
8	số: 19/KH-UBND	25/8/2025	Kế hoạch của Ủy ban nhân dân xã Mô Rai về rà soát, đánh giá TTHC năm 2025 trên địa bàn xã Mô Rai.
9	số: 33/KH-UBND	14/3/2025	Kế hoạch về kiểm soát xung đột lợi ích năm 2025
10	số: 71/KH-UB	09/12/2025	Kế hoạch của UBND xã Mô Rai về việc Kế khai và công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2025.
II CÁC QUY ĐỊNH, QUY CHẾ, QUY TẮC VÀ VĂN BẢN KHÁC ĐÃ BAN HÀNH VÀ ĐƯỢC ÁP DỤNG			
1	số: 01/QĐ-UBND	01/7/2025	Quyết định về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân xã Mô Rai, nhiệm kỳ 2021- 2026
2	số: 02/QĐ-UBND	01/7/2025	Quyết định về phân công nhiệm vụ Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND xã Mô Rai nhiệm kỳ 2021- 2026
3	số: 05/QĐ-UBND	06/01/2025	Quyết định về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025
4	số: 06/QĐ-UBND	06/01/2025	Quyết định ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của Ủy ban nhân dân xã Mô Rai.
5	số: 08/QĐ-UBND	07/01/2025	Quyết định về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025 xã Mô Rai
6	số: 93/QĐ-UBND	15/8/2025	Quyết định về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025 xã Mô Rai
7	số: 100/QĐ-BCĐ	19/8/2025	Quyết định về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn xã Mô Rai
8	số: 351/QĐ-UBND	10/12/2025	Quyết định Ban hành Quy chế thực hiện chế độ tiền thưởng của Ủy ban nhân dân xã Mô Rai
9	số:136/QĐ-BQL	17/9/2025	Quyết định của Ban quản lý quỹ đền ơn đáp nghĩa xã Mô Rai về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” xã Mô Rai
10	số:136/QĐ-BQL	17/9/2025	Quyết định của Ban quản lý quỹ đền ơn đáp nghĩa xã Mô Rai về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” xã Mô Rai
11	số: 64/QĐ-UBND	29/7/2025	Quyết định về Ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công xã Mô Rai
12	số: 237/QĐ-UBND	07/11/2025	Quyết định về Thành lập Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Mô Rai
13	số: 37/QĐ-UBND	08/7/2025	Quyết định về Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm phục vụ hành chính công xã Mô Rai
14	số 43/QĐ-UBND	15/7/2025	Quyết định về kiện toàn Ban chỉ đạo và Kế hoạch về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 xã Mô Rai
15	số: 394/QĐ-UBND	29/12/2025	Quyết định về ban hành Quy chế nâng lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan, đơn vị thuộc khối chính quyền xã Mô Rai



Danh mục văn bản công khai, minh bạch tại Ủy ban nhân dân xã Mô Rai
(Kèm theo Kết luận số 169/KL-TT ngày 25/7/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh)

MẬT

STT	số ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung văn bản	Hình thức công khai, minh bạch
Năm 2024				
	I	CÁC CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH		
1	số: 14/KH-UBND	22/02/2024	Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật Quý I năm 2024	Đăng tải trên phần mềm quản lý văn bản (Office)
2	số: 42/KH-UBND	06/5/2024	Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật Quý II năm 2024	Đăng tải trên phần mềm quản lý văn bản (Office)
3	số: 66/KH-UBND	28/7/2024	Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật Quý III năm 2024	Đăng tải trên phần mềm quản lý văn bản (Office)
4	số: 85/KH-UBND	21/10/2024	Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến pháp luật Quý IV năm 2024	Đăng tải trên phần mềm quản lý văn bản (Office)
5	số: 09/KH-UBND	02/02/2024	Kế hoạch về thực hiện công tác kiểm soát xung đột lợi ích trên địa bàn xã năm 2024	Đăng tải trên phần mềm quản lý văn bản (Office)
	II	CÁC QUY ĐỊNH, QUY CHẾ, QUY TẮC VÀ VĂN BẢN KHÁC		
1	số: 190/QĐ-UBND	13/12/2024	Quyết định phân công nhiệm vụ của Chủ tịch, các phó chủ tịch Ủy ban nhân dân, công chức UBND xã Mô Rai theo Nghị định số: 33/2023NĐ-CP của Chính phủ; văn thư lưu trữ, thủ quỹ kiêm tạp vụ và kinh tế tổng hợp theo Nghị quyết số: 55/2021/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Kon Tum	Đăng tải trên phần mềm quản lý văn bản (Office)
2	số: 141/QĐ-UBND	28/10/2024	Quyết định ban hành Quy chế đánh giá cán bộ, công chức xã Mô Rai năm 2024	Đăng tải trên phần mềm quản lý văn bản (Office)
3	số: 07/QĐ-UBND	22/01/2024	Quyết định ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2024	Công khai tại bảng tin cơ quan
4	số: 07/QĐ-UBND	23/01/2024	Quyết định ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của Ủy ban nhân dân xã Mô Rai	Công khai tại bảng tin cơ quan
5	số: 06/QĐ-UBND	22/01/2024	Quyết định công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024 xã Mô Rai	Công khai, niêm yết
6	số: 60/QĐ-UBND	25/4/2025	Quyết định công khai quyết toán ngân sách năm 2024	Công khai, niêm yết

7	số: 01/QC-UBND	23/02/2024	Quy chế chính sách chất lượng năm 2024	Đăng tải trên phần mềm quản lý văn bản (Office)
8	số: 71/CV-UBND	28/5/2024	Công văn về việc chấp hành nghiêm giờ giấc làm việc, kỷ luật, kỷ cương hành chính, thực hiện quy chế văn hóa công sở, đạo đức công sở của đội ngũ cán bộ, công chức trên địa bàn xã	Đăng tải trên phần mềm quản lý văn bản (Office)
9			Thông báo về việc niêm yết công khai bản kê khai tài sản, thu nhập hàng năm, lần đầu của năm 2025	Đăng tải trên phần mềm quản lý văn bản (Office)
10	Hướng dẫn 41/HD-TLD năm 2021		Thông báo về việc công khai nội dung đối thoại	Đăng tải trên phần mềm quản lý văn bản (Office)
11	05/QĐ-UBND	19/03/2020	Quy chế hoạt động của UBND xã	Đăng tải trên phần mềm quản lý văn bản (Office)
Năm 2025				
	I	CÁC CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH		
1	số: 36/KH-UBND	26/3/2025	Kế hoạch của Ủy ban nhân dân xã Mô Rai về công tác PCTN trên địa bàn xã Mô Rai năm 2025	Đăng tải trên phần mềm quản lý văn bản (Office)
2	số: 30/KH-UBND	29/8/2025	Kế hoạch của Ủy ban nhân dân xã Mô Rai triển khai công tác PCTN, tiêu cực trên địa bàn xã năm 2025.	Đăng tải trên phần mềm quản lý văn bản (Office)
3	số: 18/KH-UBND	22/2/2025	Kế hoạch của Ủy ban nhân dân xã Mô Rai về tuyên truyền, phổ biến pháp luật Quý I năm 2025	Đăng tải trên phần mềm quản lý văn bản (Office)
4	số: 42/KH-UBND	18/4/2025	Kế hoạch của Ủy ban nhân dân xã Mô Rai về tuyên truyền, phổ biến pháp luật Quý II năm 2025	Đăng tải trên phần mềm quản lý văn bản (Office)
5	số: 01/KH-UBND	02/01/2025	Kế hoạch về thực hiện cải cách hành chính Nhà nước trên địa bàn xã Mô Rai năm 2025	Đăng tải trên phần mềm quản lý văn bản (Office)
6	số: 06/KH-UBND	24/7/2025	Kế hoạch của Ủy ban nhân dân xã Mô Rai về cải cách hành chính năm 2025 trên địa bàn xã Mô Rai	Đăng tải trên phần mềm quản lý văn bản (Office)
7	số: 09/KH-UBND	01/8/2025	Kế hoạch của UBND xã Mô Rai về định kỳ chuyển đổi vị trí công tác năm 2025.	Đăng tải trên phần mềm quản lý văn bản (Office)
8	số: 19/KH-UBND	25/8/2025	Kế hoạch của Ủy ban nhân dân xã Mô Rai về rà soát, đánh giá TTHC năm 2025 trên địa bàn xã Mô Rai.	Đăng tải trên phần mềm quản lý văn bản (Office)
9	số: 33/KH-UBND	14/3/2025	Kế hoạch về kiểm soát xung đột lợi ích năm 2025	Đăng tải trên phần mềm quản lý văn bản (Office)
10	số: 71/KH-UB	09/12/2025	Kế hoạch của UBND xã Mô Rai về việc Kê khai và công khai bản kê khai tài sản, thu nhập năm 2025.	Đăng tải trên phần mềm quản lý văn bản (Office)
	II	CÁC QUY ĐỊNH, QUY CHẾ, QUY TÁC VÀ VĂN BẢN KHÁC		

1	số: 01/QĐ-UBND	01/7/2025	Quyết định về việc ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân xã Mô Rai, nhiệm kỳ 2021- 2026	Đăng tải trên phần mềm quản lý văn bản (Office)
2	số: 02/QĐ-UBND	01/7/2025	Quyết định về phân công nhiệm vụ Chủ tịch, các Phó chủ tịch UBND xã Mô Rai nhiệm kỳ 2021- 2026	Đăng tải trên phần mềm quản lý văn bản (Office)
3	số: 05/QĐ-UBND	06/01/2025	Quyết định về việc ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025	Công khai tại bảng tin cơ quan
4	số: 06/QĐ-UBND	06/01/2025	Quyết định ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của Ủy ban nhân dân xã Mô Rai.	Công khai tại bảng tin cơ quan
5	số: 08/QĐ-UBND	07/01/2025	Quyết định về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025 xã Mô Rai	Công khai, niêm yết
6	số: 93/QĐ-UBND	15/8/2025	Quyết định về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025 xã Mô Rai	Công khai, niêm yết
7	số: 100/QĐ-BCĐ	19/8/2025	Quyết định về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn xã Mô Rai	Đăng tải trên phần mềm quản lý văn bản (Office)
8	số: 351/QĐ-UBND	10/12/2025	Quyết định Ban hành Quy chế thực hiện chế độ tiền thưởng của Ủy ban nhân dân xã Mô Rai	Đăng tải trên phần mềm quản lý văn bản (Office)
9	số:136/QĐ-BQL	17/9/2025	Quyết định của Ban quản lý quỹ đền ơn đáp nghĩa xã Mô Rai về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng Quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” xã Mô Rai	Đăng tải trên phần mềm quản lý văn bản (Office)
10	số: 64/QĐ-UBND	29/7/2025	Quyết định về Ban hành Quy chế tổ chức hoạt động của Trung tâm phục vụ hành chính công xã Mô Rai	Đăng tải trên phần mềm quản lý văn bản (Office)
11	số: 237/QĐ-UBND	07/11/2025	Quyết định về Thành lập Trung tâm cung ứng dịch vụ công xã Mô Rai	Đăng tải trên phần mềm quản lý văn bản (Office)
12	số: 37/QĐ-UBND	08/7/2025	Quyết định về Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Trung tâm phục vụ hành chính công xã Mô Rai	Đăng tải trên phần mềm quản lý văn bản (Office)
13	số 43/QĐ-UBND	15/7/2025	Quyết định về kiện toàn Ban chỉ đạo và Kế hoạch về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 xã Mô Rai	Đăng tải trên phần mềm quản lý văn bản (Office)
14	số: 394/QĐ-UBND	29/12/2025	Quyết định về ban hành Quy chế nâng lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan, đơn vị thuộc khối chính quyền xã Mô Rai	Đăng tải trên phần mềm quản lý văn bản (Office)
15			Thông báo về việc niêm yết công khai bản kê khai tài sản, thu nhập hàng năm, lần đầu của năm 2025	Lồng ghép thông qua trong các cuộc họp hội nghị

16			Thông báo về việc công khai nội dung đối thoại	Đăng tải trên phần mềm quản lý văn bản (Office)
17	05/QĐ-UBND	06/01/2025	Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2025	Công khai tại bảng tin cơ quan
18	71/QĐ-UBND	04/08/2025	Quy chế quản lý, sử dụng tài sản công của UBND xã	Công khai tại bảng tin cơ quan
19	Số 21/BC-UBND	15/01/2026	Báo cáo kết quả công khai, minh bạch	Đăng tải trên phần mềm quản lý văn bản (Office)
20	252/QĐ-UBND	10/4/2026	Quyết định công khai quyết toán ngân sách năm 2025 (Báo cáo tài chính; Báo cáo quyết toán)	Công khai, niêm yết
21			Thông báo về việc niêm yết công khai bản kê khai tài sản, thu nhập hàng năm, lần đầu của năm 2025	Lồng ghép thông qua trong các cuộc họp hội nghị



Danh mục văn bản chưa công khai, minh bạch tại Ủy ban nhân dân xã Mô Rai
(Kèm theo Kết luận số 169/KL-TTKS ngày 15/7/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh)



STT	số ký hiệu văn bản	Ngày ban hành	Trích yếu nội dung văn bản
Năm 2024			
	I	CÁC CHƯƠNG TRÌNH, KẾ HOẠCH	
1	số: 05/KH-UBND	25/01/2024	Kế hoạch của Ủy ban nhân dân xã Mô Rai về triển khai thực hiện Chiến lược quốc gia PCTN, tiêu cực đến năm 2030
2	số: 06/KH-UBND	29/01/2024	Kế hoạch của Ủy ban nhân dân xã Mô Rai về triển khai công tác PCTN, tiêu cực và thực hiện Chỉ thị 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn xã trong năm 2024
	II	CÁC QUY ĐỊNH, QUY CHẾ, QUY TẮC VÀ VĂN BẢN KHÁC	
1	02/QĐ-UBND	02/01/2023	Quy chế dân chủ tại nơi làm việc
2	02/QĐ-UBND	02/01/2023	Quy tắc ứng xử của Ủy ban nhân dân xã
Năm 2025			
1	Số 01/QĐ-UBND	01/07/2025	Quy chế hoạt động của UBND xã
2	Số 159/QĐ-UBND	21/10/2025	Quy chế dân chủ tại nơi làm việc



Danh sách người được miễn đổi vị trí công tác

(Kèm theo Kế hoạch số 169/KH-PTTR ngày 15/7/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh)

TT	Họ và tên	Năm sinh	Theo kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác			Quyết định chuyển đổi vị trí công tác			
			Chức danh, vị trí công tác trước khi chuyển đổi	Chức danh, vị trí công tác dự kiến sau khi chuyển đổi	Thời gian giữ vị trí công tác trước khi chuyển đổi	Số, ký hiệu	Ngày	Đơn vị công tác mới	Cơ quan ban hành
I	Năm 2024								
01	Nguyễn Thị Thu Hồng	22/8/1990	Kế toán, Trường Tiểu học và THCS Lê Quý Đôn	Kế toán, Trường PTDTBT TH Lý Thường Kiệt	59 tháng	Số 1781/QĐ-UBND	01/9/2024	Trường PTDTBT TH Lý Thường Kiệt	Ủy ban nhân huyện Sa Thầy
02	Hà Thị Thảo	11/11/1986	Kế toán, Trường Mầm non xã Mô Rai	Kế toán, Trường Tiểu học và THCS Võ Nguyên Giáp	47 tháng	Số 1790/QĐ-UBND	30/8/2024	Trường Tiểu học và THCS Võ Nguyên Giáp	Ủy ban nhân huyện Sa Thầy
03	Vũ Thị Thanh	24/12/1983	Kế toán, Trường Tiểu học Hùng Vương	Kế toán, Trường Mầm non xã Mô Rai	59 tháng	Số 1778/QĐ-UBND	30/8/2024	Trường Mầm non xã Mô Rai	Ủy ban nhân huyện Sa Thầy
04	Nguyễn Văn Vĩnh	01/6/1986	Kế toán, Trường PTDTBT TH Lý Thường Kiệt	Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch và Truyền thông huyện Sa Thầy	59 tháng	Số 1774/QĐ-UBND	30/8/2024	Trung tâm Văn hóa - Thể thao - Du lịch và Truyền thông huyện Sa Thầy	Ủy ban nhân huyện Sa Thầy
II	Năm 2025								
	Không								



Danh mục các gói thầu mua sắm giai đoạn 2024 – 2025
(Kèm theo Kết luận số 169/KL-TT/Trợ giúp ngày 15/7/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh)

MẬT

Đơn vị tính: Đồng

STT	NĂM 2024	ĐƠN VỊ CUNG CẤP	GIÁ TRỊ THANH, QUYẾT TOÁN
1	Chuyển trả mua Máy tính xách tay HP PAVILION X360 DY0172TU I3 chức danh văn hóa - xã hội và địa chính - xây dựng	Điện tử - Điện Lạnh Cường	29.940.000
2	Chuyển trả mua Gạo dẻo hỗ trợ người dân dịp đối giáp hạt trên địa bàn xã năm 2024	Hộ kinh doanh Hoa Cao 2	29.256.000
3	Chuyển trả mua thiết bị PCCC và CNCH trang bị cho hoạt động đội dân phòng trên địa bàn xã	Công ty TNHH thương mại và Dịch vụ Trần Vũ	41.495.000
4	Chuyển trả mua giống lúa hương thơm số 1 (nguyên chủng) hỗ trợ người dân trên địa bàn năm 2024 theo hóa đơn số 6 ngày 06/12/2024	Đại lý phân bón giống cây trồng Hùng Dung	24.998.400
5	Chuyển trả mua công cụ dụng cụ phòng chống lụt bão năm 2024 theo hóa đơn số 00000089 ngày 18/11/2024	Hộ gia đình bán tạp hóa Lê Thị Bé	20.600.000
6	Chuyển tiền mua Máy photocopy Canon iR2425 phục vụ UBND xã năm 2024	Điện tử - Điện Lạnh Cường	48.000.000
STT	NĂM 2025	ĐƠN VỊ CUNG CẤP	GIÁ TRỊ THANH, QUYẾT TOÁN
1	Chuyển trả tiền in Bảng tuyên truyền, phòng chống cháy rừng trên địa bàn xã Mô Rai năm 2025	Trung tâm Thiết bị nội thất văn phòng Bích Lan	30.000.000
2	Chuyển trả tiền mua thiết bị sửa chữa hệ thống điện tại trụ sở UBND xã Mô Rai sau sáp nhập	Trung tâm Thiết bị nội thất văn phòng Bích Lan	42.415.000
3	Mua giống lúa HT1	Cơ sở sản xuất và kinh doanh Nhân Phát	46.938.800



Kết quả thanh tra các dự án ĐTXĐ và UBND xã Mô Rai làm chủ đầu tư (2024-2025)

(Kèm theo Kết luận số 169/KL-TT-NGN ngày 16/7/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh)



Đơn vị tính: Đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	TỔNG DỰ TOÁN	GIÁ TRỊ HĐ XÂY LẮP /TB	GIÁ TRỊ TT XÂY LẮP/TB	GIÁ TRỊ THỰC TẾ THI CÔNG	GIÁ TRỊ THU HỒI XL
A	Năm 2024	3.729.087.000	3.339.679.711	3.339.679.711	3.298.090.711	41.589.000
I	Nguồn vốn Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, GD1: 2021-2025	1.653.205.000	1.532.331.711	1.532.331.711	1.532.331.711	0
1	Nâng cấp hệ thống Đài phát thanh xã	559.896.000	514.767.000	514.767.000	514.767.000	0
2	Đường nội thôn Ia Tri (đoạn từ Km 00+620 đến ngã 3 đội 9)	631.533.000	595.582.283	595.582.283	595.582.283	0
3	Đường bê tông xi măng vào nghĩa địa làng Kđín	256.490.000	235.398.428	235.398.428	235.398.428	0
4	Sửa chữa thiết chế nhà văn hóa làng Kênh	205.286.000	186.584.000	186.584.000	186.584.000	0
II	Nguồn vốn địa phương (nguồn thu tiền sử dụng đất, kinh phí giao thông nông thôn, nguồn dự phòng ngân sách xã, nguồn vốn sự nghiệp)	2.075.882.000	1.807.348.000	1.807.348.000	1.765.759.000	41.589.000
5	Nâng cấp đường nội thôn Làng Gráp (đoạn từ nhà ông Bộ đến đường đi khu sản xuất)	208.882.000	208.882.000	208.882.000	208.882.000	0
6	Duy tu, sửa chữa đường nội thôn làng Rẽ (đoạn từ quốc lộ 14C đến nhà ông A Quẫu)	291.000.000	241.802.000	241.802.000	241.802.000	0

7	Bê tông hóa đường liên thôn làng Tang đi thôn Ia Xoăn (đoạn từ đội 4 đi làng Tang)	600.000.000	513.493.000	513.493.000	513.493.000	0
8	Bê tông hóa đường liên thôn làng Tang đi thôn Ia Xoăn (giai đoạn 2)	976.000.000	843.171.000	843.171.000	801.582.000	41.589.000
B	Năm 2025	4.572.076.000	4.196.659.000	4.196.659.000	4.181.804.000	14.855.000
I	Nguồn vốn Chương trình MTQG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030, GD1: 2021-2025	3.241.079.000	3.045.521.000	3.045.521.000	3.045.521.000	0
9	Đường nội thôn Ia Tri (đoạn từ kho mủ Đội 3 đi cầu treo)	1.051.326.000	986.985.000	986.985.000	986.985.000	0
10	Đường nội thôn Ia Tri (đoạn từ nhà Dũng Thù đến trụ sở đội 9 Công ty TNHH MTV 78)	1.055.832.000	991.215.000	991.215.000	991.215.000	0
11	Nâng cấp mương thoát nước, cống ngang đường nội thôn Làng Rẽ	534.823.000	502.092.000	502.092.000	502.092.000	0
12	Duy tu, bảo dưỡng cầu treo dân sinh làng Grập, xã Mô Rai	139.341.000	129.889.000	129.889.000	129.889.000	0
13	Duy tu, bảo dưỡng cầu treo dân sinh làng Rẽ 1, xã Mô Rai	164.838.000	153.657.000	153.657.000	153.657.000	0
14	Bê tông hóa Kênh mương nội đồng làng Tang	294.919.000	281.683.000	281.683.000	281.683.000	0
II	Nguồn vốn địa phương (nguồn thu tiền sử dụng đất, kinh phí giao thông nông thôn, nguồn dự phòng ngân sách xã, nguồn vốn sự nghiệp)	1.330.997.000	1.151.138.000	1.151.138.000	1.136.283.000	14.855.000
15	Khắc phục sạt lở bờ suối và cống đường liên thôn từ làng Tang đi Đội 4, thôn Ia Xoăn, xã Mô Rai	260.000.000	221.039.000	221.039.000	206.184.000	14.855.000

16	Khắc phục, sửa chữa Đường nội thôn làng Kênh, xã Mô Rai (đoạn từ Cổng chào đến nhà bà Y Ú)	400.000.000	335.782.000	335.782.000	335.782.000	0
17	Sửa chữa kênh mương nội đồng làng Grập	170.997.000	168.592.000	168.592.000	168.592.000	0
18	Bê tông hóa đường liên thôn từ đội 4 đi làng Tang (đoạn nối tiếp)	500.000.000	425.725.000	425.725.000	425.725.000	0
	TỔNG CỘNG A+B	8.301.163.000	7.536.338.711	7.536.338.711	7.479.894.711	56.444.000

Sai phạm, giá trị thu hồi các dự án Đầu tư xây dựng (Mô Rai làm chủ đầu tư (2024-2025))
(Kèm theo Kết luận số 169/KL-TH ngày 12/10/2024 của Chánh Thanh tra tỉnh)



MẬT

Đơn vị tính: Đồng

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	CÁC SAI PHẠM	GIÁ TRỊ THU HỒI XL
NĂM 2024			
NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2030			
1	Nâng cấp hệ thống Đài phát thanh xã + Giá trị thiết bị là 514.767.000 đồng	Không	0
2	Đường nội thôn Ia Tri (đoạn từ Km 00+620 đến ngã 3 đội 9) + Giá trị xây lắp: 595.582.283 đồng (vật liệu 487.479.283 đồng; nhân công 108.103.000 đồng)	Không	0
3	Đường bê tông xi măng vào nghĩa địa làng Kđin + Giá trị xây lắp: 235.398.428 đồng (vật liệu 196.883.428 đồng; nhân công 38.515.000 đồng)	Không	0
4	Sửa chữa thiết chế nhà văn hóa làng Kênh + Giá trị xây lắp: 186.584.000 đồng	Không	0
NGUỒN VỐN ĐỊA PHƯƠNG (nguồn thu tiền sử dụng đất, kinh phí giao thông nông thôn, nguồn dự phòng ngân sách xã, nguồn vốn sự nghiệp)			
5	Nâng cấp đường nội thôn Làng Grập (đoạn từ nhà ông Bộ đến đường đi khu sản xuất) + Giá trị xây lắp: 208.882.000 đồng	Không	0
6	Duy tu, sửa chữa đường nội thôn làng Rẽ (đoạn từ quốc lộ 14C đến nhà ông A Quấu) + Giá trị xây lắp: 241.802.000 đồng	Không	0
7	Bê tông hóa đường liên thôn làng Tang đi thôn Ia Xoăn (đoạn từ đội 4 đi làng Tang) + Giá trị xây lắp: 513.493.000 đồng	Không	0

8	Bê tông hóa đường liên thôn làng Tang đi thôn Ia Xoăn (giai đoạn 2) + Giá trị xây lắp: 843.171.000 đồng	Công tác nghiệm thu thanh, quyết toán: + Tổng giá trị quyết toán phân xây lắp là 843.171.000 đồng; tổng giá trị thực tế thi công là 801.582.000 đồng; chênh lệch: 41.589.000 đồng. + Nguyên nhân chênh lệch: Tại hạng mục Nền, mặt đường, không thi công các nội dung công việc như khe Co có thép, khe Co không thép, khe dẫn; hạng mục Rãnh dọc gia cố không thi công rải giấy dầu lớp cách ly giữa nền đất và lớp bê tông rãnh đá 1x2 M200.	41,589,000
NĂM 2025			
NGUỒN VỐN CHƯƠNG TRÌNH MTQG PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DTTS VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2021-2030			
9	Đường nội thôn Ia Tri (đoạn từ kho mủ Đội 3 đi cầu treo) + Giá trị xây lắp: 986.985.000 đồng (vật liệu 769.448.000 đồng; nhân công 217.537.000 đồng)	Không	0
10	Đường nội thôn Ia Tri (đoạn từ nhà Dũng Thù đến trụ sở đội 9 Công ty TNHH MTV 78) + Giá trị xây lắp: 991.215.000 đồng (vật liệu 786.353.000 đồng; nhân công 204.862.000 đồng)	Không	0
11	Nâng cấp mương thoát nước, cống ngang đường nội thôn Làng Rẽ + Giá trị xây lắp: 502.092.000 đồng (vật liệu 381.609.000 đồng; nhân công 120.483.000 đồng)	Không	0
12	Duy tu, bảo dưỡng cầu treo dân sinh làng Grập, xã Mô Rai + Giá trị xây lắp: 129.889.000 đồng	Không	0
13	Duy tu, bảo dưỡng cầu treo dân sinh làng Rẽ 1, xã Mô Rai + Giá trị xây lắp: 153.657.000 đồng	Không	0
14	Bê tông hóa Kênh mương nội đồng làng Tang + Giá trị xây lắp: 281.683.000 đồng (vật liệu 107.018.000 đồng; nhân công 174.665.000 đồng)	Không	0
NGUỒN VỐN ĐỊA PHƯƠNG (nguồn thu tiền sử dụng đất, kinh phí giao thông nông thôn, nguồn dự phòng ngân sách xã, nguồn vốn sự nghiệp)			

15	Khắc phục sạt lở bờ suối và cống đường liên thôn từ làng Tang đi Đội 4, thôn Ia Xoăn, xã Mô Rai + Giá trị xây lắp: 221.039.000 đồng	Công tác nghiệm thu thanh toán: + Tổng giá trị quyết toán phần xây lắp là 221.039.000 đồng; tổng giá trị thực tế thi công là 206.184.000 đồng; chênh lệch là 14.855.000 đồng. + Nguyên nhân chênh lệch: Đá sử dụng làm rọ đá, tận dụng 30% đá cuội, đá suối có sẵn; 70% sử dụng đá học.	14.855.000
16	Khắc phục, sửa chữa Đường nội thôn làng Kênh, xã Mô Rai (đoạn từ Cống chào đến nhà bà Y Ủ) + Giá trị xây lắp: 335.782.000 đồng	Không	0
17	Sửa chữa kênh mương nội đồng làng Grập + Giá trị xây lắp: 168.592.000 đồng	Không	0
18	Bê tông hóa đường liên thôn từ đội 4 đi làng Tang (đoạn nối tiếp) + Giá trị xây lắp: 425.725.000 đồng	Không	0
Tổng cộng			56.444.000



Bảng tính giá trị đề nghị thu hồi công trình: Khắc phục sạt lở bờ suối và cống đường liên thôn từ làng tang dề dừ, thôn tá xoăn, xã mô rai

(Kèm theo Kết luận số 169/KL-CTN ngày 15/3/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh)

MÂT

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Vật liệu làm rọ đá	Rọ	120	123.800	14.855.940
2	*Thực tế thi công 30% đá cuội, đá sỏi thay thế đá hộc *Đơn giá vật liệu đá hộc thi công 1 rọ đá: 412.665 đồng/rọ				
Tổng cộng					14.855.940
Làm tròn					14.855.000

Bảng tính giá trị đề nghị thu hồi
công trình: bê tông hóa đường liên thôn làng tang di thôn Ia xoăn (giai đoạn 2)
 (Kèm theo **Kết luận số 169/KL-TN** ngày 17/07/2026 của Chánh Thanh tra tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
	Hạng mục: Nền, mặt đường				
1	Thi công khe Co có thép	m	126	166.072	20.925.072
2	*Theo hồ sơ: 126 m.				
3	*Thực tế: 0 m.				
4	*Chênh lệch: 126 m.				
5	Thi công khe Co không thép	m	105	84.920	8.916.600
6	*Theo hồ sơ: 105 m.				
7	*Thực tế: 0 m.				
8	*Chênh lệch: 105 m.				
9	Thi công khe dẫn	m	21	354.060	7.435.260
10	*Theo hồ sơ: 21 m.				
11	*Thực tế: 0 m.				
12	*Chênh lệch: 21 m.				
	Rãnh dọc gia cố				
13	Rải giấy dầu lớp cách ly	100m2	6.53	660.414	4.312.503
14	*Theo hồ sơ: 653 m2.				
15	*Thực tế: 0 m2.				
	*Chênh lệch: 653 m2.				
Tổng cộng					41.589.435
Làm tròn					41.589.000



I. TỔNG HỢP VI PHẠM VÀ XỬ LÝ VI PHẠM VỀ KHẨN THIỆT

[illegible]

II. TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ XỬ LÝ TRÁCH NHIỆM

STT	Tên tổ chức/ cá nhân vi phạm	Nội dung vi phạm	Kiến nghị xử lý trách nhiệm			Ghi chú
			Hành chính	Chuyển cơ quan công an	Chuyển cơ quan chức năng khác	
1	2	3	4	5	6	7
I	TỔ CHỨC					
1	UBND xã Mô Rai	Chủ đầu tư và nhà thầu thi công nghiệm thu thanh toán khối lượng xây lắp vượt quá khối lượng thực tế thi công so với bản vẽ thiết kế, hoàn công và hợp đồng kinh tế đã ký kết tại công trình Bê tông hóa đường liên thôn làng Tang đi thôn Ia Xoăn (giai đoạn 2)	Kiểm điểm rút kinh nghiệm			
2	Phòng Kinh tế xã Mô Rai	Chủ đầu tư nghiệm thu thanh toán khối lượng xấp lắp thi công thực tế, không đúng so với hồ sơ thiết kế được duyệt và hợp đồng kinh tế đã ký kết tại công trình Khắc phục sạt lở bờ suối và cống đường liên thôn từ làng Tang đi Đội 4, thôn Ia Xoăn, xã Mô Rai	Kiểm điểm rút kinh nghiệm			
II	CÁ NHÂN					
1	Ông A Trường – Chủ tịch UBND xã Mô Rai năm 2024	Chủ đầu tư và nhà thầu thi công nghiệm thu thanh toán khối lượng xây lắp vượt quá khối lượng thực tế thi công so với bản vẽ thiết kế, hoàn công và hợp đồng kinh tế đã ký kết tại công trình Bê tông hóa đường liên thôn làng Tang đi thôn Ia Xoăn (giai đoạn 2)	Kiểm điểm rút kinh nghiệm			
2	Ông A Plung Chủ tịch UBND xã Mô Rai năm 2025	Lãnh đạo, chỉ đạo, giao phòng Kinh tế xã Mô Rai làm chủ đầu tư xây dựng công trình Khắc phục sạt lở bờ suối và cống đường liên thôn từ làng Tang đi Đội 4, thôn Ia Xoăn, xã Mô Rai (Chủ đầu tư nghiệm thu thanh toán khối lượng xấp lắp thi công thực tế, không đúng so với hồ sơ thiết kế được duyệt và hợp đồng kinh tế đã ký kết)	Kiểm điểm rút kinh nghiệm			
3	Ông Dương Thanh Tùng – Trưởng phòng Kinh tế xã Mô Rai năm 2025	Chủ đầu tư nghiệm thu thanh toán khối lượng xấp lắp thi công thực tế, không đúng so với hồ sơ thiết kế được duyệt và hợp đồng kinh tế đã ký kết tại công trình Khắc phục sạt lở bờ suối và cống đường liên thôn từ làng Tang đi Đội 4, thôn Ia Xoăn, xã Mô Rai	Kiểm điểm rút kinh nghiệm			